

MỘT SỐ TÁC ĐỘNG CỦA DI CƯ LAO ĐỘNG SANG TRUNG QUỐC Ở NGƯỜI TÀY VÀ NGƯỜI NÙNG VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH LẠNG SƠN¹

ThS. Trương Văn Cường

Viện Dân tộc học

Email: truongcuong1983@gmail.com

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập và phát triển, di cư lao động là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội mang tính thời sự. Các hình thức di cư lao động ở nước ta đã và đang diễn biến ngày càng phức tạp, với quy mô, đối tượng, mục đích... đa dạng, tạo ra bức tranh nhiều màu ẩn chứa những vấn đề cần quan tâm lý giải. Trong đó di cư lao động xuyên biên giới là hiện tượng ngày càng gia tăng, tác động đến nhiều mặt của đời sống các tộc người thiểu số. Dựa trên kết quả khảo sát người Tày và người Nùng ở ba thôn thuộc hai xã biên giới tỉnh Lạng Sơn (xã Thanh Long, huyện Văn Lãng và xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc) năm 2021 và 2022, bài viết bước đầu tìm hiểu một số tác động của di cư lao động sang Trung Quốc đến một số khía cạnh đời sống của người Tày và người Nùng như: thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình; xây dựng các tổ chức Đảng, đoàn thể của địa phương; nảy sinh các tệ nạn xã hội và những vấn đề đặt ra trong quan hệ gia đình những năm trước khi xảy ra đại dịch COVID-19.

Từ khóa: người Tày, người Nùng, lao động di cư xuyên biên giới, Lạng Sơn.

Abstract: In the context of global integration and development, labour migration is one of the socioeconomic issues. Forms of labour migration in our country have become increasingly complex, with diverse sizes, subjects, components..., creating a colourful picture containing issues that need attention. Cross-border labour migration is a common phenomenon affecting many aspects of the lives of ethnic minorities. Based on the research results of Tay and Nung people in three villages in two border communes of Lang Son province (Thanh Long commune, Van Lang district, and Bao Lam commune, Cao Loc district) in 2021 and 2022, the article initially explores the impact of hired labour migration to China on some aspects of the lives of the Tay and Nung. These include household income and expenditure, building of local Party and mass organisations, and the emergence of social evils and problems in family relations in the years before the COVID-19 pandemic.

Keywords: Tay, Nung, labour, cross-border migration, Lang Son.

Ngày nhận bài: 30/5/2022; ngày gửi phản biện: 4/7/2022; ngày duyệt đăng: 7/8/2022.

¹ Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ “Di cư lao động sang Trung Quốc của người Tày, Nùng và tác động đến phát triển bền vững vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn”, do Viện Dân tộc học chủ trì, ThS. Vũ Đình Mười làm chủ nhiệm năm 2021-2022.

Mở đầu

Ở nước ta, trong những năm gần đây, di cư lao động được quan tâm nghiên cứu nhiều tại các thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu chế xuất. Đến nay hầu hết các nghiên cứu cho rằng, di cư lao động chịu tác động từ nhiều chiều cạnh, trong đó có hai yếu tố chính: *Thứ nhất*, bối cảnh trong nước, quá trình đổi mới ở nước ta được khởi xướng từ 1986 trên nhiều phương diện, trong đó sự hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất, quá trình đô thị hóa, các nông trường, trang trại thu hút lực lượng lớn lao động đến làm thuê, làm công nhân dưới nhiều hình thức và mức độ. *Thứ hai*, bối cảnh quốc tế, do quy luật cung cầu về lao động, chênh lệch về mức sống và thu nhập... giữa các nước dẫn đến thúc đẩy luồng di cư từ Việt Nam ra nước ngoài làm ăn sinh sống (Cục Lãnh Sự, Bộ Ngoại Giao, 2011, tr. 4). Tác động của di cư lao động được các nghiên cứu đề cập theo nhiều hướng, trong đó chủ yếu xem xét tác động tích cực và tiêu cực, theo trục kinh tế - xã hội, văn hóa, môi trường, an ninh trật tự, ý thức tộc người và quốc gia dân tộc,...

Dựa trên tư liệu khảo sát vào tháng 11/2021 và tháng 4/2022 tại 3 thôn thuộc hai xã của huyện Cao Lộc và huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, bài viết trình bày một số tác động của di cư lao động sang Trung Quốc của người Tày và người Nùng. Phương pháp nghiên cứu chính là quan sát tham dự kết hợp với 24 cuộc phỏng vấn sâu, 3 cuộc thảo luận nhóm các hộ gia đình ở hai xã Thanh Long và Bảo Lâm có người di cư sang Trung Quốc làm thuê. Nội dung thu thập tài liệu tập trung vào nguyên nhân và một số tác động nổi bật của di cư lao động sang Trung Quốc như: thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình; xây dựng các tổ chức chính trị, đoàn thể tại thôn bản; vấn đề tệ nạn xã hội.

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Địa bàn khảo sát gồm 3 thôn có đông người Tày, Nùng cư trú là thôn Còn Háng, Đon Chang và Bản Cẩu. Thôn Còn Háng, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có 114 hộ, chủ yếu là người Tày, trong đó có 8 hộ nghèo, 12 hộ cận nghèo. Thôn Đon Chang, xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn có 40 hộ, trong đó có 21 hộ người Tày, 19 hộ người Nùng. Thôn Bản Cẩu, xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn có 53 hộ, trong đó có 46 hộ Tày và 7 hộ Nùng, 11 hộ nghèo và 15 hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Cả ba thôn đều có người Tày, người Nùng chiếm đa số (thôn Còn Háng 99%, thôn Đon Chang 98% và Bản Cẩu 95%), còn lại là các dân tộc khác. Các thôn được lựa chọn nghiên cứu đều nằm ở giáp biên giới, địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt vào mùa mưa; người dân cư trú phân tán, dân trí không đồng đều, đời sống còn nhiều khó khăn. Hoạt động kinh tế truyền thống chủ yếu là nông nghiệp kết hợp thủ công nghiệp và khai thác nguồn lợi tự nhiên. Về văn hóa, bên cạnh một số phong tục tập quán truyền thống được bảo lưu và thực hành, dưới tác động của kinh tế thị trường, của truyền thông, công nghệ thông tin..., đã diễn ra nhiều thay đổi như: trang phục giống với người Kinh; nhà trệt xây bán kiên cố hay nhà tầng

kiến cổ thay cho nhà sàn truyền thống; phương tiện đi lại thay đổi từ đi bộ, đi ngựa sang đi lại bằng xe máy, ô tô, xe đạp điện; ngôn ngữ dân tộc dần bị mai một do thế hệ trẻ ít sử dụng;...

Trong những năm gần đây, dưới tác động của kinh tế thị trường và chính sách phát triển kinh tế đất nước nói chung và vùng biên giới nói riêng, hoạt động kinh tế của người Tày, người Nùng tại địa bàn nghiên cứu thay đổi theo hướng đa dạng hóa ngành nghề. Bên cạnh các hoạt động sinh kế truyền thống, số người đi làm thuê nội địa hoặc xuyên biên giới, làm công nhân, xuất khẩu lao động, đặc biệt di cư lao động làm thuê có xu hướng gia tăng, đã tác động cả tích cực và tiêu cực đến nhiều khía cạnh của đời sống các gia đình và cộng đồng nơi đây.

2. Di cư lao động sang Trung Quốc của người Tày, người Nùng

Di cư lao động của người Tày và người Nùng tại 3 thôn Còn Háng, Đon Chang và Bản Cẩu bao gồm di cư lao động nội địa và di cư lao động xuyên biên giới sang Trung Quốc. Di cư lao động sang Trung Quốc bắt đầu diễn ra từ khoảng năm 1995 và dần gia tăng với nhiều hình thức, mức độ khác nhau. Theo thống kê của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Văn Lãng, năm 2018 trên địa bàn huyện có 648.923 lượt người sang Trung Quốc làm việc, trong đó số lao động thuộc huyện Văn Lãng là 339.088 lượt. Trong 3 tháng đầu năm 2019, con số đó lần lượt là 112.347 và 58.318 lượt. Số lao động gặp rủi ro năm 2018 như không được trả tiền công, bị cướp trên đường về, bị bắt do vượt biên trái phép, tai nạn lao động... là 470 trường hợp; 3 tháng đầu năm 2019 là 103 trường hợp và có 1 trường hợp tử vong năm 2019 (UBND huyện Văn Lãng, 2019, tr. 4). Theo thống kê của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Văn Lãng, vào thời gian nông nhàn (từ tháng 10 đến trước Tết Nguyên Đán), khoảng 20% lao động trên địa bàn huyện đi làm thuê bên Trung Quốc. Tại 5 xã biên giới, mỗi xã có khoảng 500-600 người thường xuyên sang Trung Quốc làm thuê dưới nhiều hình thức, mức độ khác nhau.

Tại các điểm nghiên cứu, vào mùa nông nhàn, hầu hết thanh niên và trung niên từ 18 đến dưới 55 tuổi đều sang Trung Quốc làm thuê. Thời gian đi làm diễn ra quanh năm, nhưng tập trung vào thời điểm từ tháng 10 đến sau Tết âm lịch. Đây là thời điểm nông nhàn ở Việt Nam, trong khi bên Trung Quốc bắt đầu mùa thu hoạch lúa. Bên cạnh một số có giấy phép thông quan, phần lớn lao động đi làm tự do qua các tiểu lộ trên tuyến biên giới, thông qua mạng lưới quan hệ thân tộc với phía Trung Quốc, hoặc qua môi giới trung gian. Thời gian làm việc theo ngày ở các vùng giáp biên của Trung Quốc; theo tuần hay theo tháng hoặc vài tháng ở các vùng xa hơn. Nhiều trường hợp lao động xuyên biên giới chỉ trở về dịp Tết Nguyên Đán hoặc gia đình có việc quan trọng như cưới xin, ma chay.

Công việc khá đa dạng với nhiều ngành nghề khác nhau, liên quan đến nông nghiệp, chế xuất nông nghiệp, dịch vụ, bốc vác,... Trong nông nghiệp, công việc thường thấy là trồng, chăm sóc, làm cỏ, thu hoạch lúa và mía, trong đó: trồng và làm cỏ mía, cấy lúa vào tháng Giêng đến tháng 3, gặt lúa vào tháng 6; chặt mía, hái cam, hái điều, hái hời... vào những

tháng cuối năm, từ tháng 10 đến Tết cổ truyền. Loại hình làm thuê phổ biến khác diễn ra quanh năm là làm thuê trong các xưởng công nghiệp, sơ chế nông sản, chế biến gỗ, phân loại và chế biến cau. Ngoài ra, còn một số công việc khác như lau dọn vệ sinh, rửa bát, thợ xây, phụ hồ, phân loại rác thải, đóng gói hàng,...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc người Tày, người Nùng vùng biên giới sang Trung Quốc làm thuê. Trước hết, do lực hút từ các tỉnh phía Nam Trung Quốc, nơi kinh tế được tạo điều kiện phát triển, hình thành nhiều khu công nghiệp tiêu thụ nông sản. Tỉnh Quảng Tây có diện tích trồng mía khoảng 1 triệu ha (chiếm 28% diện tích đất nông nghiệp của tỉnh), với năng suất bình quân khoảng 80 tấn/ha, sản lượng mía khoảng 80 triệu tấn, sản lượng đường khoảng 10 triệu tấn, chiếm 70% sản lượng đường Trung Quốc (Đương Đình Tường, 2009). Ngành công nghiệp này trở thành lực hút nhân công lao động từ phía Việt Nam trong khi thu nhập và đời sống của người Tày, người Nùng ở vùng biên giới Việt Nam còn nhiều khó khăn. Theo báo cáo về di cư của huyện Văn Lãng, người dân trong huyện đã và đang thiếu đất canh tác, năng suất lúa thấp, nguồn thu nhập từ nông nghiệp không đảm bảo cuộc sống, trình độ tay nghề hạn chế nên khó tiếp cận việc làm trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh (UBND huyện Văn Lãng, 2019, tr. 2). Đại diện cán bộ xã Thanh Long và Bảo Lâm cũng cho biết, nguyên nhân chính dẫn đến di cư lao động xuyên biên giới là do thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm và dư thừa lao động ở địa phương. Kết quả phỏng vấn cho thấy, việc di cư lao động sang Trung Quốc có nhiều nguyên nhân, bao gồm: tiền công bên Trung Quốc trả cao hơn bên Việt Nam, người dân mong muốn tăng thu nhập để chi tiêu vào các việc lớn như xây nhà, mua xe và trang trải cuộc sống hàng ngày. Trong khi đó tại địa phương tình hình thiếu việc làm hoặc có việc làm nhưng lương thấp vẫn khá phổ biến; trình độ học vấn và tay nghề của lao động chưa cao nên rất khó để có được các công việc thu nhập cao. Đồng thời nông sản của người dân buôn bán theo đường tiểu ngạch, nhỏ lẻ ngày càng khó bán, lại thêm hạn hán mất mùa, dịch bệnh xảy ra nhiều hơn.

3. Một số tác động của di cư lao động sang Trung Quốc

3.1. Tác động đến thu nhập

Trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát, những hộ gia đình có lao động sang Trung Quốc làm thuê đều có nguồn thu nhập khá cao và ổn định. Qua tìm hiểu cho thấy, thu nhập từ chặt mía trước năm 2000 có mức tiền công 15 - 20 Nhân dân tệ/ngày (tương đương 27.000 - 36.000 đồng) và tăng dần qua các năm, đến năm 2010 khoảng 50 Nhân dân tệ/ngày (140.000 đồng), vào năm 2013 là 60 - 65 Nhân dân tệ/ngày (200.000-220.000 đồng), thời điểm trước đại dịch COVID-19 khoảng 120 - 150 Nhân dân tệ/ngày (420.000-550.000 đồng). Một lao động chặt mía thuê 2 đến 3 tháng cho thu nhập từ 30 triệu đồng - 45 triệu đồng/người.

Bên cạnh công việc chặt mía, thông qua mạng lưới xã hội, lao động xuyên biên giới của người Tày, người Nùng còn làm công nhân tại các nhà máy sản xuất phân lân, xưởng gỗ bên Trung Quốc. Tiền công tính theo tháng hoặc theo sản phẩm khoán. Theo báo cáo về di cư của

huyện Văn Lãng, tiền công thời điểm năm 2018 và đầu năm 2019 từ 2.500 đến 3.500 Nhân dân tệ/người/tháng. Một số người dân cho rằng, thu nhập làm công nhân ở các xưởng, khu công nghiệp khoảng 4.000-5.000 Nhân dân tệ/người/tháng (khoảng 14.000.000 - 17.500.000 đồng). Tiền công thời kỳ năm 2008 đến 2010 trung bình một công nhân khoảng từ 1.500 đến 2.000 Nhân dân tệ/người/tháng (khoảng 5.250.000-7.000.000 đồng), giai đoạn 2012-2014 thu nhập trung bình từ 2.000 đến 2.500 Nhân dân tệ/người/tháng (khoảng 7.000.000 - 8.750.000 đồng). Do cư trú giáp biên và có quan hệ đồng tộc, người dân thường làm thuê xuyên biên giới sáng đi tối về với các công việc như: bón phân, phát bụi cây, gặt lúa..., thu nhập từ 100 đến 120 Nhân dân tệ/ngày/người (khoảng 350.000 - 420.000 đồng). Một số khác đi làm thợ xây, phân loại hoa quả, quét dọn vệ sinh, rửa bát, lao công... tại Bằng Tường với tiền công 120-130 Nhân dân tệ/người/ngày (khoảng 420.000 - 450.000 đồng).

Theo tính toán của những người đi làm thuê, một người trẻ có khỏe làm thuê bên Trung Quốc, nếu đi chặt mía trong 3 tháng cho thu nhập từ 35 - 45 triệu đồng, nhiều hơn nguồn thu từ nông nghiệp của 3 lao động trong một năm ở quê hương. Nguồn thu từ nông nghiệp ở các thôn địa bàn nghiên cứu về cơ bản chỉ đủ ăn, những năm mất mùa do hạn hán, thiên tai thì nhiều hộ thiếu lương thực. Hầu hết các gia đình có người đi làm thuê bên Trung Quốc đều có kinh tế khá giả hơn những hộ chỉ làm nông nghiệp tại cộng đồng. Do đó, họ có khả năng xây dựng và tu sửa nhà ở, mua xe, sắm đồ đạc, đầu tư con đi học, tái đầu tư cho sản xuất... từ nguồn tiền kiếm được từ làm ăn xa nhà.

3.2. Tác động đến chi tiêu, cải thiện đời sống

Theo chính quyền và người dân địa phương cho biết, trước những năm 1990, cuộc sống của người Tày, người Nùng còn rất khó khăn. Đa phần các gia đình ở nhà đất, thiếu ăn thường xuyên, thời điểm giáp hạt tháng 3 nhiều hộ thiếu đói phải ăn cháo, ăn cơm độn khoai, sắn. Sau năm 1990, nhờ thành quả công cuộc Đổi mới của đất nước, cũng như người dân ở các vùng miền trong cả nước, đời sống của đồng bào nơi đây ngày càng cải thiện. Việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp giúp người dân đảm bảo về cơ bản nhu cầu lương thực. Sự đa dạng hóa các hoạt động kinh tế của hộ gia đình giúp có thêm thu nhập để trang trải chi tiêu. Những năm gần đây, từ nguồn thu nhập do đi làm thuê, chủ yếu là làm thuê bên Trung Quốc, nhiều hộ đã có tiền xây sửa nhà ở, mua sắm phương tiện đi lại và đồ gia dụng đắt tiền, chất lượng cuộc sống được nâng lên.

Theo chia sẻ của trưởng thôn Bản Cẩu, toàn bộ chi tiêu sinh hoạt và xây sửa nhà cửa của người dân trong thôn đều dựa vào tiền đi làm thuê, làm công nhân, trong đó chủ yếu là làm thuê bên Trung Quốc. Thu nhập từ nông nghiệp không đáng kể. Ghi chép về chi tiêu 1 tháng của gia đình anh T.V.H., sinh năm 1984, người Nùng, thôn Đon Chang, xã Thanh Long năm 2022 cho thấy: gia đình có 6 người gồm hai vợ chồng, con trai, con dâu và hai con nhỏ có mức chi trung bình là 3.760.00 đồng/tháng, chưa kể các khoản chi lớn không thường

xuyên như mua tivi, tủ lạnh, xe máy, xây nhà,... Đây cũng là mức chi tiêu của đa số người dân thôn Đơn Chang những năm gần đây.

Trong các khoản chi tiêu, chi phí dành cho xây sửa nhà ở là nhiều hơn cả. Khảo sát ở thôn Còn Háng cho thấy đa số các ngôi nhà mới trong thôn được xây dựng trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây. Thống kê của trưởng thôn (anh L.T.S., dân tộc Nùng) cho biết, khoảng 15% nhà trong thôn được xây 3 - 4 tầng, chi phí xây dựng từ vài trăm triệu đến trên dưới 1 tỷ đồng/nhà; khoảng 55% nhà xây 2 tầng; còn lại 30% nhà 1 tầng kiên cố và nhà tạm. Người dân xây nhà mới với kết cấu và mặt bằng sinh hoạt mới: nhà bê tông mái bằng có công trình phụ gồm nhà tắm, nhà vệ sinh bồn cầu tự hoại, có phòng khách và phòng ngủ riêng. Tại thôn Đơn Chang, trên 70% số hộ xây nhà từ tiền đi làm thuê, một số hộ vay thêm tiền ngân hàng. Trưởng thôn Bản Cẩu cho biết: *“trên 80% số hộ xây nhà mới từ tiền đi làm thuê bên Trung Quốc, vì thôn giáp biên, đất canh tác không nhiều, đất trồng rừng nằm trong quy hoạch vùng biên khoảng cách 3 km, nguồn thu từ nông nghiệp đủ ăn và chăn nuôi”* (anh H.V.C., sinh năm 1976, người Tày). Theo anh Đ.V.C., sinh năm 1979, người Tày thôn Còn Háng: *“Tại thôn Còn Háng, ước tính khoảng 50% tiền xây nhà có được từ tiền đi làm thuê bên Trung Quốc, 40% từ làm bốc hàng thuê qua biên giới, và 10% từ tiền đền bù giải phóng mặt bằng, buôn bán, làm nông nghiệp và một số là công chức, viên chức địa phương có lương”*.

Tại thôn Bản Cẩu, mỗi hộ gia đình thường có từ 1 đến 2 xe máy, một số nhà có 3 xe máy, nhiều gia đình mua xe tay ga đắt tiền từ 40 đến 50 triệu/xe. Ngoài ra, do kinh tế có phần dư dả hơn từ thu nhập làm thuê xuyên biên giới, người dân đã chi tiêu nhiều hơn cho các bữa ăn, mua sắm điện thoại thông minh. Việc sử dụng điện thoại thông minh không chỉ ở giới trẻ mà cả những người trung niên và cao tuổi. Người dân dùng các mạng xã hội như Zalo, Facebook không chỉ để giải trí và kết nối với bạn bè và người thân, mà còn phục vụ hữu ích cho mạng lưới lao động làm thuê xuyên biên giới của mình. Tại thôn Bản Cẩu có khoảng 70% số hộ sử dụng wifi, một số người đăng ký gói cước Data riêng với nhà mạng. Do vậy, đời sống tinh thần và dân trí được nâng cao. Từ nguồn tiền làm thuê kết hợp với nguồn thu nông nghiệp, buôn bán, đời sống của người dân ở các điểm nghiên cứu được cải thiện hơn rất nhiều so với trước đây.

3.3. Góp phần giảm nghèo và giảm tái nghèo

Di cư lao động có mối quan hệ mật thiết với giảm nghèo, với chiến lược giảm nghèo của các hộ gia đình, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn (Vũ Trường Giang, 2018; Nguyễn Văn Chính, 2021). Ở các địa phương thuần nông, tác động giảm nghèo của di cư càng rõ rệt. Di cư do lao động đã tác động tích cực đến kinh tế nói chung và đến kinh tế hộ có người di cư lao động nói riêng (Lê Quốc Hội, Nguyễn Thị Hoài Thu, 2018). Di cư lao động sang Trung Quốc mang lại lợi ích kinh tế cho cả hai bên: chủ lao động và người lao động. Thông qua di cư lao động, người dân có thêm việc làm, tăng thu nhập, giải tỏa áp lực

thiếu hụt kinh tế gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo khu vực nông thôn (Nguyễn Văn Chính, 2021, tr. 401).

Trước những năm 1990, cuộc sống người dân ở hai xã Thanh Long và Bảo Lâm rất khó khăn, thiếu đói thường xuyên vào những tháng giáp hạt. Từ Đổi mới 1986 đến nay, dưới tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và xóa đói giảm nghèo nói riêng, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm đã giảm dần. Cơ sở hạ tầng giao thông và thông tin liên lạc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được cải thiện, giúp kết nối con người ở các vùng, miền xa xôi xích lại gần nhau hơn (Nguyễn Văn Chính, 2021, tr. 35). Dù vậy, do thu nhập từ nông nghiệp thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Các chương trình dự án giảm nghèo như trồng thông (dự án Việt Đức), trồng chuối, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và trồng trọt chưa đem lại hiệu quả như mong muốn. Nguồn thu từ nông nghiệp chỉ đủ đáp ứng nhu cầu lương thực và còn xa mới đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và chi tiêu trong bối cảnh kinh tế thị trường.

Đứng trước thách thức trên, di cư lao động là giải pháp lựa chọn phù hợp, hiệu quả của người dân. Thu nhập và chi tiêu tăng, đời sống người dân được cải thiện, đặc biệt tỷ lệ hộ nghèo giảm. Theo số liệu thống kê, tỷ lệ hộ nghèo ở xã Bảo Lâm năm 2016 có 108 hộ (chiếm 14,67%), 92 hộ cận nghèo (chiếm 12,5%); năm 2020 giảm còn 47 hộ nghèo (chiếm 6,23%), 79 hộ cận nghèo (chiếm 10,47%) (UBND xã Bảo Lâm, 2021). Tỷ lệ hộ nghèo xã Thanh Long năm 2015 là 144 hộ, cận nghèo là 147 hộ; năm 2019 giảm còn 60 hộ nghèo và 87 hộ cận nghèo; năm 2021 giảm còn 47 hộ nghèo (6,42%) và 63 hộ cận nghèo (8,61%) (UBND xã Thanh Long, 2021).

Di cư lao động giúp xóa đói giảm nghèo, nhưng cũng là nguyên nhân tái nghèo qua đại dịch COVID-19 tại các điểm nghiên cứu. Theo chính quyền địa phương, trong khoảng 3 năm gần đây, do đại dịch COVID-19 với chính sách đóng cửa biên giới của phía Trung Quốc, việc di cư lao động sang Trung Quốc làm thuê bị đình trệ, là nguyên nhân dẫn đến đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, một số hộ lâm vào tình trạng tái nghèo. Nghiên cứu tại Bản Cẩu cho thấy, di cư lao động giúp người dân thoát nghèo (năm 2020 thôn chỉ còn 2 hộ nghèo và không có hộ cận nghèo), nhưng đến năm 2021 tăng lên 11 hộ nghèo và 15 hộ cận nghèo. Theo chia sẻ của trưởng thôn, có nhiều nguyên nhân dẫn đến số hộ nghèo năm 2021 tăng, nhưng chính yếu là do không thể đi làm thuê bên Trung Quốc, thời gian rảnh rỗi nhiều, tệ nạn xã hội nghiện hút, buôn bán ma túy gia tăng. *“Bản Cẩu có 15 người đi tù do buôn bán ma túy (trong đó có 3 trường hợp chung thân và tử hình). Khi đi làm thuê/bốc vác hàng qua biên giới, khoảng 20 người nghiện ma túy, không có khả năng lao động là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng các hộ gia đình này tái nghèo trở lại”* (H.V.C., sinh năm 1976, người Tày, trưởng thôn Bản Cẩu, xã Thanh Long). Số người nghiện ma túy và đi tù trong thôn là 35 trường hợp, bình quân 0,67 hộ có 1 người nghiện/đi tù. Hầu hết người nghiện ma túy trong độ tuổi từ 20 - 35, từ chỗ là lao động trụ cột trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội, là nguyên nhân vừa trực tiếp vừa gián tiếp dẫn đến số hộ nghèo tăng trở lại.

3.4. Xây dựng các tổ chức chính trị và đoàn thể tại thôn bản và vấn đề tệ nạn xã hội

Thanh Long và Bảo Lâm là hai xã giáp biên và gần cửa khẩu, là khu vực khá nhạy cảm và phức tạp. Những năm gần đây, kinh tế biên mậu phát triển, di cư lao động gia tăng đã tác động đến an ninh, chính trị, xã hội khu vực biên giới. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu xem xét tác động của di cư lao động đến phát triển và hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, đoàn thể cấp thôn bản.

Do phần lớn người trẻ tuổi di cư sang Trung Quốc làm thuê nên công tác xây dựng tổ chức Đảng tại thôn, xã vùng biên giới gặp nhiều khó khăn. Chính quyền hai xã Thanh Long và Bảo Lâm đều cho biết, tác động đầu tiên là khó kết nạp đảng viên trẻ và khó tìm được cán bộ có năng lực kế cận đáp ứng yêu cầu. Nhiều thanh niên trẻ, nhanh nhẹn, học hết lớp 9 hoặc lớp 12, có năng lực được chỉ bộ thôn chú ý phát triển, nhưng đều từ chối. Chia sẻ từ Bí thư đoàn xã Thanh Long cho biết, việc triển khai một số chương trình của Đoàn thanh niên tại các thôn gặp nhiều khó khăn do thiếu đoàn viên, một số thôn không có đoàn viên. Người phụ trách Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Long cho biết, từ khoảng 2010 đến nay, địa phương gặp nhiều khó khăn về nhân sự và nhân lực trong triển khai các đợt tập huấn cho dân quân tự vệ tự thôn, xã biên giới. Nguyên nhân cũng do hầu hết thanh niên đi làm thuê bên Trung Quốc hoặc đi làm công nhân ở các khu công nghiệp tại Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên,... Số còn lại làm thuê bốc vác tại cửa khẩu Tân Thanh, Đồng Đăng, Chi Ma. Một số ít ở nhà lại thuộc nhóm ốm yếu hoặc nghiện ma túy.

Việc tìm kiếm người kế cận cho các chức danh lãnh đạo thôn như trưởng thôn, bí thư chi bộ, bí thư đoàn thanh niên, chi hội trưởng hội phụ nữ... cũng gặp nhiều khó khăn. Theo chia sẻ của anh H.V.C., Trưởng thôn Bản Cẩu, đã 13 năm, bản thân muốn nghỉ làm trưởng thôn nhưng sau mỗi nhiệm kỳ đều không tìm được người kế nhiệm, do thiếu người đủ năng lực và do chính người được đề cử cũng không muốn đảm nhận. Lý do là làm trưởng thôn vất vả, vừa có mức hỗ trợ kinh phí quá thấp, trong khi sang Trung Quốc làm thuê có thu nhập cao gấp 5 đến 10 lần. Đồng thời, những quy định về quản lý qua lại biên giới có những rào cản, hạn chế đối với cán bộ, đảng viên. Chính vì vậy, hầu hết những người trẻ không hứng thú với việc được làm trưởng thôn cũng như trở thành đảng viên, trưởng các tổ chức chính trị xã hội thôn.

Di cư lao động sang Trung Quốc là một trong những tác nhân gây tình trạng tệ nạn xã hội gia tăng. Đây là vấn đề cần được giới nghiên cứu cũng như các phương tiện truyền thông đại chúng quan tâm nhiều hơn. Thông tin thu được từ khảo sát thực tế cho biết, trước khi chịu tác động của kinh tế thị trường và mở cửa biên giới, ở người Tày, người Nùng tại xã Thanh Long (Văn Lãng) và xã Bảo Lâm (Cao Lộc) không có tệ nạn xã hội. Từ khi hoạt động kinh tế biên mậu và làm thuê qua biên giới phát triển, đời sống khá lên thì tệ nạn xã hội bắt đầu xuất hiện và gia tăng. Theo chính quyền địa phương, đến trước đại dịch COVID-19, hai xã Bảo

Lâm và Thanh Long trở thành điểm nóng về nghiện hút và buôn bán ma túy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Xã Thanh Long, hiện nay có 294 thanh thiếu niên nghiện ma túy (chiếm khoảng 10% dân số của xã), chưa tính số nghi nghiện. Riêng thôn Bản Cẩu có 20 người nghiện ma túy tuổi trung bình từ 20 đến 35, trong đó có gia đình có 3 người con nghiện hút. Cả thôn có 15 người đi tù, 3 trường hợp bị tử hình do buôn bán ma túy. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thanh thiếu niên nghiện ma túy như: đi làm thuê cần tỉnh táo, cần sức khỏe, do bị bạn bè dụ dỗ, ăn chơi đua đòi..., trong khi việc mua ma túy bên Trung Quốc khá dễ dàng. Hiện nay, phía Trung Quốc đóng biên, hầu hết lao động làm thuê đã trở về nước, được chính quyền địa phương đưa đi xét nghiệm, phát hiện và lập danh sách phát thuốc cai nghiện (Methadone) tại trạm y tế xã.

Việc thanh thiếu niên nghiện hút ma túy không chỉ ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội của địa phương, mà còn làm đảo lộn đời sống gia đình, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, cha con, ly thân, ly hôn, thiếu hụt lao động. Theo anh H.V.N, sinh năm 1993, người Tày, Bản Cẩu, xã Thanh Long, thanh niên trong làng tầm tuổi với anh hầu hết nghiện ma túy. Khi biết anh bị nghiện, vợ anh bỏ nhà đi làm thuê ở Sóc Trăng, hai con nhỏ phải nhờ ông bà nội chăm sóc.

3.5. Một số tác động khác

Chia sẻ từ những người di cư lao động cho biết, công việc làm thuê cũng ảnh hưởng đến tình cảm, mối quan hệ vợ chồng, khi vợ đi làm, chồng ở nhà hoặc ngược lại. Một số cặp vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng trong cách nghĩ và quan điểm về lối sống, cách đối nhân xử thế, cách dạy dỗ con cái giữa người đi làm và người ở nhà. Việc đi làm thuê cũng ảnh hưởng đến nuôi dạy và chăm sóc con cái, đặc biệt ở những cặp vợ chồng cùng sang Trung Quốc làm thuê. Chia sẻ của chị H.T.T., sinh năm 1981, người Nùng, Bản Cẩu, xã Thanh Long cho biết: *“Hai vợ chồng cùng anh em nhà chồng đi làm thuê lâu ngày bên Trung Quốc, con cái của gia đình và những người anh em khác tập trung lại nhà ông bà nội chăm sóc. Tình trạng này cũng diễn ra ở nhiều gia đình trong thôn, xã. Việc giao con cái cho ông bà chăm sóc lâu ngày ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục, do cách dạy trẻ con của ông bà khác với thể hệ của cha mẹ, trẻ nhỏ thiếu thốn tình cảm bố mẹ, một số trẻ không nghe lời ông bà, do ông bà ở nhà bận việc nên cho trẻ con xem ti vi, điện thoại nhiều. Việc học hành của con cái sa sút. Tuy nhiên, do cần tiền chi tiêu nên đành chấp nhận như vậy”*. Một số hộ gia đình không có điều kiện buộc phải đem theo con đến nơi làm thuê bên Trung Quốc, sống biệt lập trong các lán trại, thiếu trường lớp, thiếu bạn bè, dẫn đến con cái bị ảnh hưởng bất lợi đến phát triển nhân cách và trí tuệ.

Trước khi đại dịch COVID-19, nguồn thu nhập từ đi làm thuê cao, nhiều hộ bỏ canh tác ruộng/rừng, cho anh em họ hàng canh tác. Tuy nhiên, việc cho người thân canh tác vô hình chung đã dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình, họ tộc trong thời gian xảy ra dịch bệnh. Một chia sẻ cho biết: *“Năm 2015, gia đình tôi nhận canh tác hơn 1 ha cây hồi từ một anh em trong dòng họ đi làm thuê bên kia biên giới. Khi đó vườn hồi sâu bệnh, cỏ mọc um tùm. Gia đình*

phải cải tạo, phát quang, chăm sóc, bón phân nên cây hồi phát triển và cho thu hoạch tốt. Từ khi có dịch COVID-19 và có chính sách đóng biên, giá hồi trong nước lên cao, người anh em chủ nhân vườn hồi trở về đòi thu lại vườn, dẫn đến mâu thuẫn, bất hòa trong anh em gia tộc” (H.V.H., sinh năm 1984, người Nùng, Đon Chang, xã Thanh Long).

4. Một số vấn đề đặt ra

Di cư lao động xuyên biên giới sang Trung Quốc của người Tày, người Nùng ở vùng biên giới làm phát sinh một số vấn đề đặt ra cần nhận diện và hóa giải. Trong đó, chính sách đóng biên do đại dịch COVID-19 của Trung Quốc ảnh hưởng bất lợi đến đời sống của người di cư, đây là lúc chính quyền các cấp cần nhìn nhận, đánh giá lại những kết quả và hạn chế của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới nói chung và chính sách với người Tày, người Nùng ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói riêng.

Hầu hết thanh niên trẻ khỏe có mong muốn sang Trung Quốc làm thuê thay vì tìm kiếm công việc tại quê hương như làm công nhân hay phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Dự báo là sau khi đại dịch COVID-19 được kiểm soát, nếu phía Trung Quốc mở cửa trở lại, di cư lao động làm thuê xuyên biên giới sang Trung Quốc của người Tày, người Nùng sẽ tiếp tục diễn ra. Vấn đề quản lý di cư bằng biện pháp hành chính không phải là ngăn chặn các làn sóng di chuyển mà là tạo ra cơ hội để người di cư đạt được mục đích của di chuyển trên cơ sở tôn trọng pháp luật, đồng thời góp phần vào sự phát triển, ổn định xã hội. Thực tế cho thấy, thủ tục thông quan hiện nay có hiệu lực 1 tháng là chưa phù hợp với đặc thù và nhu cầu thực tế của người lao động, nhất là khi khoảng cách làm thuê xa biên giới và nhu cầu thời gian lao động cần nhiều tháng. Mong muốn của người dân là chính quyền hai phía Việt Nam - Trung Quốc có chính sách phù hợp, linh động hơn, đáp ứng nhu cầu thời gian làm thuê dài ngắn khác nhau cho người lao động, và không đặt người di cư vào tình trạng vượt biên trái phép.

Cùng với việc kết nối doanh nghiệp và người lao động để có định hướng nghề nghiệp trong nước, phù hợp, chính quyền địa phương cần mở các lớp đào tạo nghề phù hợp với trình độ và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, doanh nghiệp. Điều này cần đặt trong bối cảnh người lao động vốn có lối sống và thói quen tự do, thích làm thuê bên Trung Quốc lương cao.

Để giảm tình trạng người dân vượt biên trái phép tìm kiếm việc làm, tiềm ẩn những nguy cơ về an ninh trật tự vùng biên giới như buôn lậu hàng hóa, buôn bán người qua biên giới, nghiện hút và buôn bán ma túy, cần có chính sách phát triển kinh tế - xã hội mang tính đột phá nhằm đáp ứng nhu cầu việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân ngay tại địa phương hoặc ở các địa bàn lân cận trong nước. Bên cạnh việc phát triển trồng một số cây ăn quả (hồng Bảo Lâm, mận, xoài, cam, quýt) phù hợp với điều kiện địa hình và thổ nhưỡng địa phương, cần có chính sách đặc thù nhằm khuyến khích và thu hút doanh nghiệp phát triển công nghiệp chế biến lâm sản địa phương như chế biến nguyên liệu keo, bạch đàn, hồi, quế... với quy mô phù hợp nhằm thu hút lao động, tạo thu nhập cho người dân sở tại.

Kết luận

Di cư lao động sang Trung Quốc của người Tày, người Nùng là một lựa chọn sinh tồn của người dân nhằm thích ứng với điều kiện sinh kế và môi trường sống thay đổi trong tình hình mới. Song việc di cư lao động đã mang lại cả những tác động tích cực và tiêu cực.

Về tác động tích cực, di cư lao động góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình. Nhờ đó, người dân có tiền xây sửa nhà ở, chi tiêu mua sắm đồ dùng sinh hoạt, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần xóa đói giảm nghèo. Người dân có thêm nguồn vốn để đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đầu tư vào giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Một số người đã học được nghề mới, cách thức làm ăn mới bên Trung Quốc mang về áp dụng và sinh kế trở nên ổn định hơn. Trong một chừng mực nhất định, di cư lao động góp phần thiết lập những mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa quốc gia xuất cư và quốc gia tiếp nhận, tạo điều kiện thuận lợi trong trao đổi thương mại, tăng cường hợp tác về chính trị, văn hóa.

Về tác động tiêu cực, đối với nơi đi, di cư làm thiếu hụt lao động ở một số ngành, nghề, làm cản trở việc thực hiện các kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế của địa phương; tạo ra các hệ lụy xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy; gây thiếu nguồn nhân lực trong phát triển các tổ chức đoàn thể và chính quyền cơ sở tại địa phương. Đặc biệt, nghiên cứu cho thấy, di cư lao động sang Trung Quốc tạo ra những vấn đề xã hội như nhiều gia đình thiếu vắng người mẹ, người cha, việc chăm sóc trẻ em phụ thuộc vào ông bà cũng ảnh hưởng đến kết quả học tập và tâm lý trẻ em. Cùng với đó, việc chăm sóc người già ở nơi đi cũng là một vấn đề, do không có con cháu chăm sóc lúc ốm đau, khiến người già trở nên cô đơn. Bên cạnh đó, di cư là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến một số mâu thuẫn, xung đột trong quan hệ gia đình, dòng họ.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Minh Anh - Lê Thị Mùi (2021), “*Mạng lưới xã hội của tộc người Lô Lô và Nùng ở tỉnh Cao Bằng trong phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội vùng biên giới*”, Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Dân tộc học.
2. Nguyễn Văn Chính (2021), *Di cư, đói nghèo và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Cục lãnh sự - Bộ ngoại giao (2011), *Báo cáo tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài*, trên trang: https://phapluatdansu.edu.vn/wp-content/uploads/2020/06/bao_cao_tong_quan_ve_di_dan_VN-2.pdf (Truy cập ngày 28/5/2022).
4. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng chủ biên, 2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các tỉnh vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Vũ Trường Giang (Chủ biên, 2018), *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
6. Lê Quốc Hội, Nguyễn Thị Hoài Thu (2018), “Tác động của di cư trong nước đến giảm nghèo ở Việt Nam”, *Tạp chí kinh tế và phát triển*, số 258, tr. 1-11.
7. Nguyễn Thị Lê (2010), “Các tộc người xuyên biên giới và vấn đề phát triển vùng biên Việt - Trung từ 1990 đến nay”, Luận văn thạc sĩ Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Lý Hành Sơn (2014), “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia trong hoạt động kinh tế ở một số tộc người vùng miền núi phía bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 25-37.
9. Vương Xuân Tình và cộng sự, (2015), “Làng người Tày trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4&5, tr. 7-25.
10. Lương Thị Trang (2017), *Di cư lao động xuyên biên giới của người Ngái ở Lục Ngạn, Bắc Giang*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Dương Đình Tường (2009), *Đến thủ phủ mía đường Quảng Tây*, trên trang: <https://nongnghiep.vn/den-thu-phu-mia-duong-quang-tay-27394.html>, đăng ngày 16/01/2009 (Truy cập ngày 28/4/2022).
12. Ủy ban nhân dân xã Bảo Lâm (2021), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh từ năm 2016 đến năm 2020 xã Bảo Lâm*, ngày 16/11/2021.
13. Ủy ban nhân dân xã Thanh Long (2015), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2015 xã Thanh Long*, ngày 27/12/2015.
14. Ủy ban nhân dân xã Thanh Long (2019), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 xã Thanh Long*, ngày 17/12/2019.
15. Ủy ban nhân dân xã Thanh Long (2021), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021 xã Thanh Long*, ngày 22/12/2021.
16. Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng (2019), *Báo cáo tình hình lao động qua biên giới Trung Quốc làm việc 3 tháng đầu năm 2019 huyện Văn Lãng*, ngày 14/4/2019.